

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2022/DS-ST  
Ngày: 12-9-2022  
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ái Duy

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Đinh Ngọc Đình
- Ông Đặng Văn Bé

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Quê, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

**- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng Thu, kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 113/2021/TLST-DS ngày 25 tháng 5 năm 2022 về “tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2022/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP S. Địa chỉ: Số 77, Trần Hưng Đạo, phường T, quận H, Thành phố H.

**Người đại diện hợp pháp theo pháp luật của Ngân hàng:** Ông Nguyễn Văn L, chức vụ: Tổng giám đốc.

**Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của Ngân hàng:** Ông Nguyễn Hoàng D, chức vụ: Chuyên viên quan hệ khách hàng cá nhân, Ngân hàng TMCP S, chi nhánh L. Địa chỉ: Số 135-137 Hùng Vương, phường 2, thành phố T, tỉnh L (theo giấy ủy quyền số 01.04/2022/UQL-SHB.LA ngày 01/4/2022), có mặt.

**- Bị đơn:** Ông Nguyễn Duy Kh, sinh năm: 1977, vắng mặt

Bà Trương Thị T, sinh năm: 1977, vắng mặt

Cùng địa chỉ: Số 555/1, ấp 1, xã H, huyện C, tỉnh L.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 3 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng D trình bày:*

Ngày 14/4/2017, Ngân hàng TMCP S, chi nhánh L (gọi tắt là Ngân hàng) có cho ông Nguyễn Duy Kh và bà Trương Thị T vay số tiền 837.000.000 đồng, thời hạn vay 96 tháng kể từ ngày 14/4/2017; mục đích vay: thanh toán tiền mua xe ô tô con biển số 62A-071.25, nhãn hiệu MAZDA, mục đích sử dụng: tiêu dùng, ký ngày 14/4/2017 giữa ông Khang với Công ty Cổ phần ô tô Tr, chi nhánh T; lãi suất vay trong hạn 7,5%/năm trong 12 tháng đầu tiên, sau đó lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần theo quy định của ngân hàng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn trả vốn vay; phương thức trả gốc và trả lãi định kỳ hàng tháng vào ngày 25 mỗi tháng; theo hợp đồng tín dụng số 43/2017/HDTDTDH-CN/SHB.131200 và khế ước nhận nợ số 01-43/2017/HDTDTDH-CN/SHB.131200 ký ngày 14/4/2017.

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ ký ngày 14/4/2017, ông Kh và bà T đã ký với ngân hàng Hợp đồng thế chấp tài sản số 51/2017/HĐTC-CN/SHB.131200 ngày 20/4/2017, tài sản thế chấp là giấy tờ sở hữu phương tiện vận tải xe ô tô con màu đỏ, biển số 62A-071.25, nhãn hiệu MAZDA, loại xe CX525G, có số khung 5346HC059083, số máy PY20853025, do ông Nguyễn Duy Kh đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, ông Kh và bà T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ nên Ngân hàng đã chuyển khoản vay thành khoản nợ quá hạn từ ngày 26/10/2019 đến nay; hiện ông Kh và bà T còn nợ Ngân hàng số tiền vốn vay là 583.157.951 đồng và tiền lãi. Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ để đòi nợ nhưng cho đến nay ông Kh và bà T vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Duy Kh và bà Trương Thị T phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vốn vay 583.157.591 đồng; lãi trong hạn 212.303.089 đồng; lãi chậm trả là 44.930.042 đồng, tổng cộng là 840.390.722 đồng tính đến ngày 12/9/2022.

Ông Kh và bà T tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh đối với khoản nợ còn lại theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Trường hợp ông Kh và bà T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ thì yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là xe ô tô con biển số 62A-071.25, nhãn hiệu MAZDA, loại xe CX525G, do ông Nguyễn Duy Kh đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Nếu số tiền phát mãi tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Kh phải có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán hết khoản nợ.

*Ông Nguyễn Duy Kh là bị đơn trình bày tại biên bản hòa giải ngày 14/7/2022:*  
Ông thống nhất với lời trình bày của đại diện Ngân hàng TMCP S, chi nhánh L (gọi tắt là Ngân hàng). Ngày 14/4/2017 Ngân hàng TMCP S, chi nhánh L có cho ông và bà T vay số tiền là 837.000.000 đồng, thời hạn vay 96 tháng kể từ ngày 14/4/2017;

mục đích vay: thanh toán tiền mua xe ô tô con biển số 62A-071.25, nhãn hiệu MAZDA, mục đích sử dụng: tiêu dùng.

Để đảm bảo số tiền vay, ông và bà T có thể chấp cho ngân hàng giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô con màu đỏ, biển số 62A-071.25, nhãn hiệu MAZDA, loại xe CX525G, có số khung 5346HC059083, số máy PY20853025, do ông đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô theo hợp đồng thế chấp số 51/2017/HĐTC-CN/SHB.131200 ngày 20/4/2017. Do kinh tế khó khăn, ảnh hưởng của dịch bệnh nên đến kỳ hạn thanh toán, ông và bà T chưa có tiền trả cho Ngân hàng.

Nay, Ngân hàng yêu cầu ông và bà T phải trả số tiền gốc 583.157.591 đồng; nợ lãi trong hạn 200.666.135 đồng; lãi quá hạn 39.987.832 đồng, tổng cộng là 823.811.558 đồng thì ông đồng ý, nhưng do hoàn cảnh khó khăn ông xin được thanh toán dần số nợ gốc cho ngân hàng trong thời hạn từ 03 đến 05 tháng sẽ hoàn tất và xin được giảm tiền lãi.

Trong trường hợp không trả được nợ, ông đồng ý phát mãi tài sản bảo đảm để trả nợ cho Ngân hàng, hiện nay xe ô tô con do ông đang quản lý, sử dụng.

*Bà Trương Thị T là bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng vắng mặt nên không có lời trình bày.*

*Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định về thủ tục tố tụng. Các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Kh và bà T phải liên đới thanh toán cho nguyên đơn số tiền vốn vay còn nợ là 583.157.591 đồng; lãi trong hạn 212.303.089 đồng; lãi chậm trả là 44.930.042 đồng, tổng cộng là 840.390.722 đồng tính đến ngày 12/9/2022 theo quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Ông Kh và bà T phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Đối với tài sản thế chấp: Tiếp tục thực hiện hợp đồng thế chấp số 51/2017/HĐTC-CN/SHB.131200 ngày 20/4/2017, tài sản thế chấp là giấy tờ sở hữu phương tiện vận tải xe ô tô con màu đỏ, biển số 62A-071.25, nhãn hiệu MAZDA, loại xe CX525G, có số khung 5346HC059083, số máy PY20853025, do ông Nguyễn Duy Kh đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp ông Kh và bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Chi cục thi hành án dân sự phát mãi tài sản thế chấp để thanh toán nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng thế chấp đã thỏa thuận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ngân hàng TMCP S có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng với ông Nguyễn Duy Kh và bà Trương Thị T, việc tranh chấp được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Kh và bà T cư trú tại huyện Châu Thành, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An thụ lý giải quyết là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục xét xử vắng mặt đương sự: Ông Kh và bà T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Kh và bà T.

[2]. Về nội dung vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện, ngân hàng có cho ông Kh và bà T vay số tiền 837.000.000 đồng, thông qua hợp đồng tín dụng số 43/2017/HĐTDTDH-CN/SHB.131200 và khế ước nhận nợ số 01-43/2017/HĐTDTDH-CN/SHB.131200 ký ngày 14/4/2017, thời hạn vay 96 tháng kể từ ngày 14/4/2017; mục đích vay: thanh toán tiền mua xe ô tô con biển số 62A-071.25, nhãn hiệu MAZDA, mục đích sử dụng: tiêu dùng, ký ngày 14/4/2017 giữa ông Kh với Công ty Cổ phần ô tô Tr, chi nhánh T;

Để đảm bảo cho khoản vay, ông Kh và bà T đã ký với ngân hàng Hợp đồng thế chấp tài sản số 51/2017/HĐTC-CN/SHB.131200 ngày 20/4/2017, tài sản thế chấp là giấy tờ sở hữu phương tiện vận tải xe ô tô con màu đỏ, biển số 62A-071.25, nhãn hiệu MAZDA, loại xe CX525G, có số khung 5346HC059083, số máy PY20853025, do ông Nguyễn Duy Kh đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của ngân hàng: Quá trình thực hiện hợp đồng vay, do ông Kh và bà T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ theo từng kỳ cho ngân hàng nên ngân hàng căn cứ thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng khởi kiện ông Kh và bà T, yêu cầu ông Kh và bà T phải liên đới thanh toán số tiền vốn vay là 583.157.591 đồng; lãi trong hạn 212.303.089 đồng; lãi chậm trả là 44.930.042 đồng, tổng cộng là 840.390.722 đồng tính đến ngày 12/9/2022, để thu hồi nợ trước hạn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại các Điều 288, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4]. Đối với hợp đồng thế chấp số 51/2017/HĐTC-CN/SHB.131200 ngày 20/4/2017, tài sản thế chấp là giấy tờ sở hữu phương tiện vận tải xe ô tô con màu đỏ, biển số 62A-071.25, nhãn hiệu MAZDA, loại xe CX525G, có số khung 5346HC059083, số máy PY20853025, do ông Nguyễn Duy Kh đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Hợp đồng thế chấp được công chứng tại Phòng công chứng số 1 tỉnh Long An, số công chứng 2655, quyền số 03TP/CC-SCC/HĐGD ngày 20/4/2017 và được Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận đăng ký giao dịch tài sản ngày 21/4/2017. Hợp đồng này các bên ký kết, có công chứng và đăng ký thế chấp theo đúng trình tự, thủ tục pháp luật quy định nên có hiệu lực thi hành. Do đó, sẽ được đảm bảo nghĩa vụ thanh toán nợ theo hợp đồng tín dụng.

[5]. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp: Do yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên ông Kh và bà T phải liên đới chịu 2.100.000 đồng. Ngân hàng không phải chịu theo quy định tại Điều 157, 158 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[6]. Quan điểm giải quyết vụ án của kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[7]. Về án phí: Do yêu cầu của ngân hàng được chấp nhận nên ông Kh và bà T phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án 840.390.722 đồng = (36.000.000 đồng + 3% của phần vượt 800.000.000 đồng) = 37.211.721 đồng. Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 157, 158, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 288, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi bổ sung năm 2017;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng của Ngân hàng TMCP S đối với ông Nguyễn Duy Kh và bà Trương Thị T.

Buộc ông Nguyễn Duy Kh và bà Trương Thị T có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền 840.390.722 (*tám trăm bốn mươi triệu ba trăm chín mươi nghìn bảy trăm hai mươi hai*) đồng; trong đó số tiền vốn vay là 583.157.591 đồng; tiền lãi trong hạn là 212.303.089 đồng; tiền lãi quá hạn là 44.930.042 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Kh và bà T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Đối với tài sản thế chấp: Tiếp tục thực hiện hợp đồng thế chấp số 51/2017/HĐTC-CN/SHB.131200 ngày 20/4/2017, tài sản thế chấp là giấy tờ sở hữu

phương tiện vận tải xe ô tô con màu đỏ, biển số 62A-071.25, nhãn hiệu MAZDA, loại xe CX525G, có số khung 5346HC059083, số máy PY20853025, do ông Nguyễn Duy Kh đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, được công chứng tại Phòng công chứng số 1 tỉnh Long An, số công chứng 2655, quyển số 03/CC-SCC/HĐGD ngày 20/4/2017 và được Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận đăng ký giao dịch tài sản ngày 21/4/2017, để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán nợ của ông Nguyễn Duy Kh và bà Trương Thị T.

Trường hợp ông Kh và bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Chi cục thi hành án dân sự phát mãi tài sản thế chấp để thanh toán nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng thế chấp đã thỏa thuận.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp: Ông Nguyễn Duy Kh và bà Trương Thị T phải liên đới chịu 2.100.000 đồng. Ngân hàng đã tạm nộp nên ông Kh và bà T có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng số tiền 2.100.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Duy Kh và bà Trương Thị T phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 37.211.721 (*ba mươi bảy triệu hai trăm mười một nghìn bảy trăm hai mươi mốt*) đồng.

Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, ngân hàng được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 17.763.000 (*mười bảy triệu bảy trăm sáu mươi ba nghìn*) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007876 ngày 24 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Tòa án ND tỉnh LA;
- Viện kiểm sát ND cùng cấp;
- Chi cục THA dân sự huyện;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, án văn)

**Nguyễn Thị Ái Duy**